

Thủ thuật Ubuntu toàn tập

Ubuntu là một trong những hệ điều hành mã nguồn mở hoàn toàn miễn phí. Đây là một trong distribution ("distro") hàng đầu của Linux. Nếu bạn có hệ thống Ubuntu đi kèm với môi trường mặc định của Gnome desktop được cài đặt trên PC của mình, bài viết sau sẽ cung cấp cho bạn những lời khuyên và thủ thuật hữu ích để làm việc với hệ thống của mình.

Mẹo và thủ thuật sau khi cài đặt Ubuntu 18.04

Thay đổi kích thước icon trên Launcher

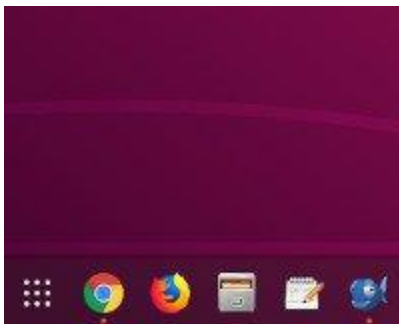
Ubuntu có một launcher kiểu Dock (được gọi là Dock) trên tay trái màn hình. Nếu không thích vị trí của nó cũng như kích thước icon trên launcher, bạn có thể dễ dàng điều chỉnh thông qua cài đặt.

Bước 1. Click vào nút **Application** và chọn **Settings**.

Bước 2. Chọn **Dock** trên cột bên trái.

Bước 3. Trên cột bên phải, kéo thanh trượt **Icon Size** sang bên trái nếu muốn kích thước nhỏ hơn hoặc sang bên phải nếu muốn kích thước lớn hơn.

Di chuyển nút Application lên trên cùng hoặc sang bên trái



Nút **Application** được hiển thị dưới dùm của Dock theo mặc định, nhưng bạn có thể di chuyển nó lên trên cùng nếu nó được thiết lập ở bên trái hoặc bên phải màn hình; hoặc di chuyển sang bên trái nếu Dock ở cuối màn hình. Ubuntu không cung cấp tùy chọn di chuyển nút **Application** nhưng bạn có thể thực hiện dễ dàng thông qua Terminal.

Bước 1. Nhấn **Ctrl + Alt + T** để chạy Terminal.

Bước 2. Nhập **gsettings set org.gnome.shell.extensions.dash-to-dock show-apps-at-top true** để di chuyển nút **Application** lên trên.

Nhập **gsettings set org.gnome.shell.extensions.dash-to-dock show-apps-at-top false** để di chuyển nút Application xuống cuối.

Mở cửa sổ ở chính giữa màn hình

Khi chạy một ứng dụng nhưng không để ở chế độ toàn màn hình, bạn có thể thấy hệ thống luôn để nó ở gần bên góc trái của desktop. Bạn có thể thiết lập cửa sổ chương trình mở ở chính giữa màn hình bằng cách:

Bước 1. Tìm và cài đặt **Dconf Editor** từ Ubuntu Software nếu không có trong hệ thống của bạn.

Bước 2. Khởi chạy Dconf Editor và truy cập **/org/gnome/mutter/**.

Bước 3. Bật "**center-new-windows**".

Tự động thay đổi hình nền

Bạn có thể click chuột phải vào desktop, chọn **Change Background** và chọn một trong những hình nền được cài đặt sẵn, nhưng bạn cần phải làm điều đó mỗi lần muốn thay đổi hình nền. Tuy nhiên có một cách đơn giản, giúp bạn tự động thay đổi hình nền một khoảng thời gian nhất định là sử dụng ứng dụng Variety.

Bước 1. Mở cửa sổ Terminal.

Bước 2. Nhập **sudo add-apt-repository ppa:peterlevi/ppa**.

Bước 3. Nhập **sudo apt-get update**.

Bước 4. Nhập **sudo apt-get install variety**.

Với ứng dụng này, bạn có thể thay đổi hình nền trong một khoảng thời gian cố định và có thể thực hiện một số cài đặt khác như áp dụng hiệu ứng, màu và kích thước, điều chỉnh icon chỉ báo, v.v...

Thay đổi biểu tượng thư mục

Khi chạy Files Manager, bạn sẽ thấy các icon mặc định. Nếu muốn thay đổi icon thư mục thành icon khác để làm nổi bật so với các icon trên toàn hệ thống, thực hiện các bước như sau:

Bước 1. Trong **Files Manager**, click chuột phải vào icon thư mục, chọn **Properties**.

Bước 2. Trong tab **Basic**, click vào hình ảnh icon để mở cửa sổ **Select Custom Icon**.

Bước 3. Duyệt đến **Other Locations > Computer > usr > share > icons** để chọn icon bạn muốn sử dụng.

Bước 4. Click vào nút **Open** trên cùng bên phải cửa sổ để xác nhận.

Lưu ý: Bạn có thể thay đổi biểu tượng thư mục tùy chỉnh của mình về mặc định bằng cách click vào nút **Revert** trong cửa sổ **Select Custom Icon** ở bước 2 trên.

Thêm hoặc thay đổi phím tắt

Các phím tắt được cài sẵn trong hệ thống, nhưng bạn có thể thêm các phím tắt mới hoặc thay đổi chúng một cách dễ dàng. Ví dụ: bạn có thể thêm phím tắt **Ctrl + Alt + S** để truy cập vào Settings với các bước sau:

Bước 1. Chuyển đến **Applications > Settings > Devices > Keyboard**.

Bước 2. Trong **Launcher** ở cột bên phải, click vào **Settings**.

Bước 3. Nhấn đồng thời **Ctrl + Alt + S**, sau đó click vào **Set**.

Bước 4. Đóng cửa sổ và thử phím tắt mới.

Để tắt một phím tắt, nhấn nút "x" sau bước 3 ở trên.

Các phím tắt cũng có thể được thiết lập bằng cách thay đổi các giá trị keybinding với Dconf Editor, có thể được cài đặt từ Ubuntu Software. Trong Ubuntu, nhấn **Alt + F2** và truy cập vào Dconf Editor, sau đó điều hướng đến **org > gnome > desktop > wm > keybindings**.

Kết thúc các chương trình không phản hồi



Xkill là một phần của các tiện ích X11 được cài đặt sẵn trong Ubuntu và một công cụ để kết thúc các máy khách X bị lỗi hoặc các chương trình không phản hồi. Bạn có thể dễ dàng thêm một phím tắt để khởi động xkill với các bước dưới đây.

Bước 1. Chuyển đến **Applications > Settings > Devices > Keyboard**.

Bước 2. Trong cột bên phải **Keyboard Shortcuts**, cuộn xuống cuối và nhấn nút "+" để tạo phím tắt tùy chỉnh.

Bước 3. Nhập **xkill** vào cả hộp **Name** và **Command**.

Bước 4. Click vào nút **Set Shortcut**, nhấn tổ hợp phím mới, ví dụ **Ctrl + Alt + X**, sau đó click vào **Add** để xác nhận.

Bây giờ, bạn đã sẵn sàng sử dụng Xkill. Nhấn tổ hợp phím trên để biến con trỏ thành dấu X, di chuyển dấu X và thả nó vào giao diện chương trình để đóng các chương trình không phản hồi hoặc hủy dấu X bằng cách click chuột phải.

Bật phát lại phương tiện

Ubuntu chỉ có các phần mềm hoàn toàn miễn phí theo mặc định và không cấu hình các định dạng phương tiện như mp3 và mp4. Tuy nhiên bạn có thể dễ dàng cài đặt các codec này cho trình phát nhạc mặc định để phát các file này với các bước đơn giản sau:

Bước 1. Mở cửa sổ Terminal.

Bước 2. Nhập **sudo apt install libdvnav4 libdvdread4 gstreamer1.0-plugins-bad gstreamer1.0-plugins-ugly libdvd-pkg**.

Bước 3. Nhập **sudo apt install ubuntu-restricted-extras**.

Cài đặt package Oracle Java

Ngoài việc sử dụng OpenJDK, một số dịch vụ web yêu cầu Oracle Java Runtime Environment (JRE) được cài đặt trong hệ thống để chạy các dịch vụ đúng cách. Nếu muốn nhận các package Oracle Java độc quyền cho hệ thống của mình, bạn có thể tải và cài đặt chúng theo các bước sau:

Bước 1. Mở Terminal.

Bước 2. Nhập **sudo add-apt-repository ppa:webupd8team/java** để thêm kho lưu trữ.

Bước 3. Nhập **sudo apt-get update** để cập nhật danh sách nguồn.

Bước 4. Nhập **sudo apt-get install oracle-java8-installer** để tải và cài đặt các package Oracle Java.

Bước 5. Nhập **sudo java -version** để kiểm tra phiên bản Java đang sử dụng trong hệ thống.

Bước 6. Nhập **sudo update-alternatives --config java** để chọn Java mặc định sử dụng trong hệ thống khi cần thiết.

Lưu ý: Phiên bản mới của Oracle Java có thể không cho phép bạn chạy các ứng dụng hoặc dịch vụ chưa được ký hoặc tự ký. Nếu tin tưởng vào các dịch vụ mà bạn đang sử dụng, bạn có thể cấu hình mức bảo mật của JRE hoặc

thêm các dịch vụ vào danh sách **Exception Site List** sử dụng Java Control Panel. Để chạy nó, nhập **/usr/bin/jcontrol** trong Terminal, hoặc nhấn **Alt + F2**, gõ **jcontrol** rồi chạy Oracle Java 8 Plugin Control Panel.

Tự động mount ổ cứng lúc khởi động hệ thống

Ubuntu có khả năng đọc và ghi các file được lưu trữ trên các phân vùng được định dạng của Windows bằng cách sử dụng hệ thống file NTFS, nhưng các phân vùng phải được mount trước khi được truy cập. Với các bước này, bạn có thể tự động mount ổ đĩa hoặc phân vùng mà không cần phải mount thủ công để truy cập mỗi lần khởi động hệ thống. Dưới đây là các bước thực hiện bằng cách thêm một mục trong file fstab.

Bước 1. Trong Terminal, nhập **sudo blkid** để lấy UUID (Universal Unique Identifier) của phân vùng bạn muốn mount.

Bước 2. Nhập **sudo mkdir /media/ntfs** để tạo điểm mount.

Bước 3. Nhập **gedit admin:///etc/fstab** và thêm dòng sau vào file fstab: **UUID=1234567890123456 /media/ntfs ntfs rw,nosuid,nodev,noatime,allow_other 0 0.**

Bước 4. Thay thế số có 16 chữ số ở trên bằng UUID bạn đã có từ Bước 1, sau đó nhấp vào **Save**. Khởi động lại hệ thống và kiểm tra xem phân vùng đã được mount chưa.

Để xác định phân vùng ổ đĩa theo nhãn, hãy sử dụng **sudo blkid** hoặc **ls /dev/disk/by-label -g** trong Terminal. Tiện ích Disks được đề cập trong "**Name or Label a Partition**" cũng cung cấp cho bạn số thiết bị, loại phân vùng, kích thước và nhãn.

Mount ổ USB theo cách thủ công

Khi một thiết bị lưu trữ USB được cắm vào hệ thống thường tự động mount, nhưng nếu vì một số lý do nào đó nó không tự động mount, bạn có thể thực hiện thủ công với các bước sau.

Bước 1. Nhấn **Ctrl + Alt + T** để chạy Terminal.

Bước 2. Nhập **sudo mkdir /media/usb** để tạo một điểm mount gọi là usb.

Bước 3. Nhập **sudo fdisk -l** để tìm ổ USB đã được cắm vào, giả sử ổ đĩa bạn muốn mount là **/dev/sdb1**.

Bước 4. Nhập **sudo mount -t vfat /dev/sdb1 /media/usb -o uid=1000,gid=100,utf8,dmask=027,fmask=137** để mount ổ USB được định dạng bằng hệ thống FAT16 hoặc FAT32. Hoặc nhập **sudo mount -t ntfs-3g /dev/sdb1 /media/usb** để mount ổ USB được định dạng bằng hệ thống NTFS. Để ngắt kết nối, chỉ cần nhập **sudo umount /media/usb** trong Terminal.

Đặt tên hoặc gắn nhãn phân vùng



Files Manager hiển thị thư mục gốc là Computer cho phân vùng hệ thống Ubuntu. Nếu bạn có các phân vùng khác (hoặc volume), nó sẽ hiển thị chúng dưới dạng xx GB Volume nếu không được đặt tên hoặc gắn nhãn. Sử dụng công cụ Disk là một trong những cách hiệu quả nhất để đặt tên cho phân vùng.

Bước 1. Truy cập vào **Applications > Utilities**, sau đó click vào **Disks** để chạy nó.

Bước 2. Chọn **Hard Disk**.

Bước 3. Trong phần **Volumes**, click vào phân vùng muốn gắn nhãn.

Bước 4. Click vào nút **Additional partition options** bên dưới phần **Volumes**, sau đó chọn **Edit filesystem...**

Bước 5. Trong hộp **Label**, nhập tên, ví dụ Data-Disk và click vào **Change**.

Files Manager bây giờ sẽ hiển thị nhãn phân vùng, ví dụ Data-Disk như ở trên thay vì xx GB Volume. Mẹo này được dùng để đặt tên cho phân vùng sử dụng tiện ích, nếu sử dụng các tính năng nâng cao khác như định dạng, chỉnh sửa hoặc xóa phân vùng có thể khiến dữ liệu trong ổ đĩa bị xóa.

Thiết lập thời gian đồng hồ trên hệ thống khởi động kép

Nếu khởi động kép Ubuntu 18.04 và Windows 10, bạn có thể thấy khi thay đổi thời gian trên một hệ thống sẽ ảnh hưởng đến hệ thống kia và kết quả hai hệ thống không hiển thị cùng một thời gian.

Điều này xảy ra khi Ubuntu diễn giải đồng hồ phần cứng hoặc đồng hồ thực (RTC) theo thời gian quốc tế (UTC) trong khi Windows 10 vẫn để đồng hồ theo giờ địa phương. Bạn có thể khắc phục vấn đề này bằng cách để thời gian RTC theo giờ địa phương trong Ubuntu bằng cách chạy lệnh sau trong Terminal.

```
timedatectl set-local-rtc 1 --adjust-system-clock
```

Để hoàn tác cài đặt, nhập lệnh sau

```
timedatectl set-local-rtc 0 --adjust-system-clock
```

Thêm chương trình khởi động cùng hệ thống



Trong Windows, bạn có thể thiết lập phím tắt chương trình trong thư mục khởi động hoặc chạy một chương trình khởi động khi hệ thống khởi động. Trong Ubuntu bạn cũng có thể thực hiện tương tự bằng cách:

Bước 1. Truy cập vào **Applications**, click vào **Startup Applications**.

Bước 2. Click nút **Add**.

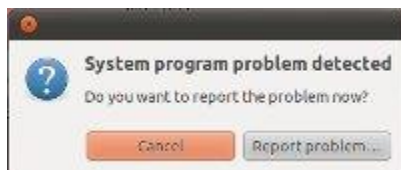
Bước 3. Đặt tên chương trình

Bước 4. Click vào nút **Browse** và điều hướng đến **Other locations > Computer > usr > bin**, nơi các chương trình thường được khởi chạy.

Bước 5. Chọn một chương trình, click vào nút **Open > Add**.

Chương trình trên sẽ được thêm vào trong các chương trình khởi động, kiểm tra xem chương trình có tự động khởi chạy không bằng cách đăng xuất và khởi động hệ thống.

Xóa báo cáo sự cố cũ



Nếu hệ thống Ubuntu thường hiển thị hộp thoại ghi **“System program problem detected”** (Phát hiện vấn đề chương trình hệ thống) mỗi lần bạn đăng nhập ngay cả khi bạn vừa báo cáo vấn đề, bạn cần phải xóa báo cáo sự cố cũ bằng cách nhập lệnh sau trong Terminal.

Bước 1. Mở Terminal

Bước 2. Sao chép và dán **sudo rm /var/crash/*** trong **Terminal** và nhấn **Enter**.

Đăng xuất và đăng nhập trở lại hệ thống, kiểm tra xem thông báo có còn xuất hiện hay không.

Thay đổi tùy chọn khởi động mặc định

Sau khi cài đặt đầy đủ, Ubuntu được đặt làm hệ điều hành mặc định để khởi động nếu không nhấn phím nào trong vòng vài giây trên hệ thống khởi động kép. Bạn có thể thiết lập hệ điều hành khởi động theo mặc định bằng cách sử dụng Grub Customizer.

Mở Terminal, sao chép code sau và dán (Ctrl + Shift + V) vào bên trong Terminal để cài đặt Grub Customizer.

1. **sudo add-apt-repository ppa:danielrichter2007/grub-customizer**

2. **sudo apt-get update**

3. **sudo apt-get install grub-customizer**

Sau khi cài đặt, chạy Grub Customizer để thiết lập tùy chọn khởi động mặc định:

Bước 1. Nhấn **Alt + F2**, gõ **grub-customizer** trong hộp và nhấn **Enter** để chạy nó.

Bước 2. Trong tab **General Settings**, chọn mục mặc định bạn muốn khởi động từ menu thả xuống.

Bước 3. Điều chỉnh giá trị thời gian chờ nếu cần, sau đó nhấn nút **Close** và nút **Save**.

Tự động tắt hệ thống

Bạn có thể sử dụng một lệnh đơn giản để lên lịch tắt hệ thống tự động.

Bước 1. Mở **Terminal**.

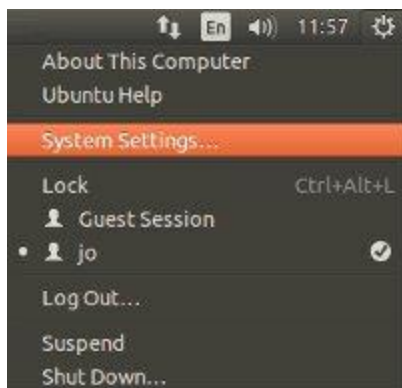
Bước 2. Nhập **sudo shutdown -h +m** (thay thế m bằng số phút, ví dụ +60)

Bước 3. Nhập mật khẩu và thu nhỏ cửa sổ Terminal.

Hệ thống sẽ tắt theo số phút được thiết lập hoặc tại một thời gian cụ thể. Để hủy bỏ việc tắt hệ thống tự động, nhập **sudo shutdown -c** trong Terminal.

Mẹo và thủ thuật sau khi cài đặt Ubuntu 16.04.1

Điều chỉnh kích thước biểu tượng Launcher



Ubuntu có một Launcher nằm bên trái màn hình. Nếu kích thước icon trên Launcher quá to hoặc quá nhỏ, bạn có thể điều chỉnh kích thước này bằng cách.

Bước 1. Click vào **Control Gear** và chọn **System Settings**.

Bước 2. Click vào **Appearance** trong **Personal**.

Bước 3. Trong tab **Look**, kéo thanh trượt **Launcher Icon Size** sang trái để thu nhỏ icon và sang phải để phóng to icon.

Tự động ẩn Launcher

Launcher được thiết lập để luôn hiển thị ở bên trái màn hình theo mặc định. Bạn có thể thay đổi cài đặt mặc định này bằng cách ẩn hoặc bỏ ẩn Launcher một cách dễ dàng.

Bước 1. Click vào **Control Gear** và chọn **System Settings**.

Bước 2. Click vào nút **Appearance** trong **Personal**.

Bước 3. Trong tab **Behavior**, bật hoặc tắt nút **Auto-hide the Launcher**.

Để hiển thị Launcher tạm thời, chỉ cần nhấn và giữ phím Super (hay còn gọi là Windows) hoặc di chuyển con chuột sang bên trái màn hình. Bạn có thể điều chỉnh độ hiển thị với thanh trượt trong tab **Behavior**.

Hiển thị Launcher dễ dàng hơn

Sau khi tự động ẩn Launcher, bạn có thể hiển thị nó bằng cách di chuyển con trỏ sang bên cạnh trái màn hình. Tuy nhiên, có một cách dễ dàng để hiển thị Launcher hơn là sử dụng CompizConfig Settings Manager.

Bước 1. Cài đặt **CompizConfig Settings Manager** từ Ubuntu Apps Directory nếu ứng dụng không có trên hệ thống.

Bước 2. Nhấn **Alt + F2** và gõ **ccsm** trong hộp, nhấn **Enter** để chạy chương trình.

Bước 3. Chọn **Desktop** từ ô bên trái.

Bước 4. Click vào **Ubuntu Unity Plugin**.

Bước 5. Trong tab **Launcher**, điều chỉnh giá trị đặt trước của **Launcher Reveal Pressure** hoặc **Launcher Reveal Edge Responsiveness** để làm Launcher dễ dàng xuất hiện hơn, click vào **Back** và **Close**.

Di chuyển Launcher sang trái hoặc xuống dưới



Phiên bản Ubuntu này giờ đây cho phép bạn di chuyển Launcher từ bên trái xuống dưới màn hình bằng cách nhập lệnh sau trong Terminal:

gsettings set com.canonical.Unity.Launcher launcher-position Bottom

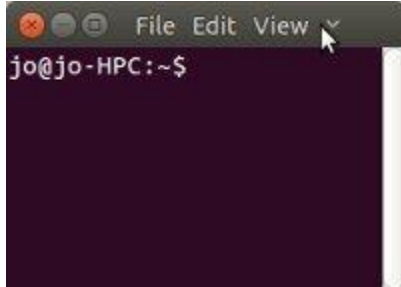
Và để quay trở lại phía bên trái của màn hình, sử dụng lệnh này:

gsettings set com.canonical.Unity.Launcher launcher-position Left

Vị trí của Launcher cũng có thể được thiết lập bằng cách sử dụng **Dconf Editor**, được cài đặt từ Ubuntu Apps Directory. Trong Ubuntu, nhấn **Alt +**

F2 và nhập **dconf Editor**, sau đó điều hướng đến **com > canonical > unity > launcher > launcher-position**.

Tắt hoặc bật menu cửa sổ



Hệ thống Ubuntu đặt menu ứng dụng (File/Edit/View) (còn được gọi là AppMenu hoặc Global Menu) trên thanh trên cùng theo mặc định, nhưng nó cũng cho phép một menu tích hợp cục bộ (LIM). Nếu bạn muốn chọn một LIM di chuyển menu trở lại cửa sổ của ứng dụng, hãy làm theo các bước sau:

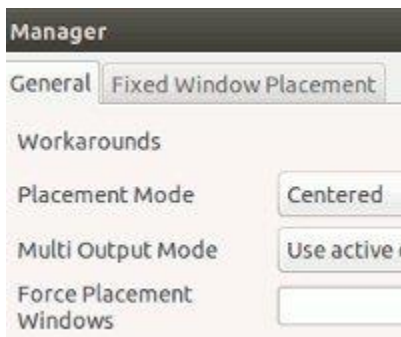
Bước 1. Click vào **Control Gear** và chọn **System Settings**.

Bước 2. Click vào **Appearance** trong **Personal**.

Bước 3. Trong tab **Behavior**, chọn **In the window's title bar** để hiển thị các menu cho cửa sổ.

Menu xuất hiện khi bạn di chuột qua thanh tiêu đề của cửa sổ. Để bật menu ứng dụng, hãy bỏ chọn **In the menu bar** để hiển thị các menu của cửa sổ.

Mở cửa sổ ở giữa màn hình



Khi chạy một ứng dụng mà không được phóng to, bạn có thể thấy rằng hệ thống luôn đặt nó ở góc trên cùng bên trái của màn hình, nhưng bạn có thể thiết lập cửa sổ chương trình mở ở giữa màn hình bằng cách:

Bước 1. Cài đặt **CompizConfig Settings Manager** từ Ubuntu Apps Directory nếu ứng dụng chưa có trên hệ thống của bạn.

Bước 2. Nhấn **Alt + F2** và gõ **ccsm** trong hộp, nhấn **Enter** để chạy chương trình (bạn có thể nhận cảnh báo khi sử dụng công cụ nâng cao này).

Bước 3. Chọn **Windows Management** từ bảng điều khiển bên trái.

Bước 4. Click vào **Place Windows**.

Bước 5. Thay đổi **Placement Mode** từ **Smart** thành **Centered**, click **Back** và **Close**.

Trình quản lý cửa sổ trong Ubuntu sẽ khôi phục vị trí lần cuối của cửa sổ ứng dụng, nhưng nó không làm được điều đó trừ khi ứng dụng tự ghi nhớ vị trí của sổ của chính nó.

Tùy chỉnh theme

Bạn có thể thay đổi theme trong Ubuntu theo ý thích. Theme mặc định **Ambiance** có menu (File, Edit, View, v.v...) màu trắng trên nền đen nhưng bạn có thể dễ dàng chuyển đổi sang theme khác như **Radiance** để menu màu đen trên nền trắng. Dưới đây là các bước để tùy chỉnh theme:

Bước 1. Click vào **Control Gear** và chọn **System Settings**.

Bước 2. Click vào **Appearance** trong **Personal**.

Bước 3. Trong tab **Look**, chọn một theme từ menu thả xuống.

Tự động thay đổi hình nền

Thực hiện tương tự như trong phiên bản Ubuntu 18.04.

Thiết lập chế độ xem mặc định trong Files Manager



Windows Explorer cho phép người dùng đặt chế độ xem mặc định cho tất cả các thư mục. Files Manager của Ubuntu cũng thực hiện chức năng tương tự:

Bước 1. Click vào icon **Files** trên Launcher.

Bước 2. Từ menu, click **Edit** sau đó chọn **Preferences**.

Bước 3. Trong **Default View**, thay đổi **Icon View** thành **List View** để xem chi tiết trong các cột.

Bước 4. Tích vào **Show hidden and backup files** nếu muốn.

Bạn có thể điều chỉnh các cài đặt khác như click hoặc click đúp để mở item, chú thích icon, cột danh sách và xem trước file trong cửa sổ Files Preferences.

Thay đổi icon thư mục

Thực hiện tương tự như trong phiên bản Ubuntu 18.04.

Tạo phím tắt Files Manager nâng cao

Trong hệ thống file Ubuntu, bạn có thể sử dụng Files Manager để duyệt hầu hết các file và ghi file trong thư mục chính **/home/your_name** và thư mục con của nó như **Desktop** và **Documents**. Tuy nhiên bạn không thể đổi tên một thư mục hoặc ghi các file bên ngoài thư mục chính bằng Files Manager, nhưng có thể tạo phím tắt chạy Files Manager nâng cao để thực hiện những tác vụ này.

Bước 1. Click vào biểu tượng **Dash Home** trên **Launcher** (hoặc click vào **Super**), sau đó gõ **keyboard** trong hộp tìm kiếm và nhấn **Enter**.

Bước 2. Trong tab **Shortcuts**, chọn **Custom Shortcuts**, sau đó click vào dấu + để tạo shortcut tùy chỉnh.

Bước 3. Nhập tên chẳng hạn là **Advanced Files Manager** vào trong hộp **Name**.

Bước 4. Nhập **gksu nautilus** trong hộp **Command**, sau đó click vào nút **Apply**.

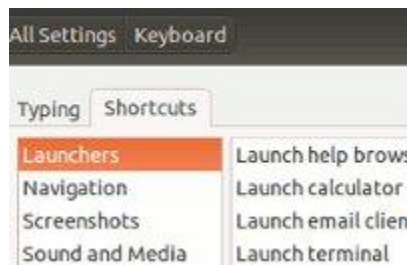
Bước 5. Click vào **Disabled** trong hàng **Advanced Files Manager** trong cửa sổ **Keyboard Shortcut** (Disable được đổi thành **New accelerator...**)

Bước 6. Nhấn tổ hợp phím mới, ví dụ **Ctrl + Alt + N** (**New accelerator...** được đổi thành **Ctrl + Alt + N**).

Bây giờ bạn có thể dễ dàng truy cập vào **Advanced Files Manager** bằng cách nhấn phím tắt đã gán theo các bước trên. Nhưng hãy cẩn thận vì bạn có thể sử dụng nó để xóa hoặc thay đổi bất kỳ file nào trên hệ thống.

Lưu ý: Nếu chưa cài đặt **gksu**, bạn có thể cài đặt nó cách nhập **sudo apt-get install gksu** trong **Terminal**.

Thêm hoặc thay đổi phím tắt



Các phím tắt được cài sẵn trong hệ thống, nhưng bạn có thể thêm các phím tắt mới hoặc thay đổi chúng dễ dàng. Ví dụ: bạn có thể thêm phím tắt **Ctrl + Alt + C** để chạy **Calculator**:

Bước 1. Click vào icon **Dash Home** (hoặc chạm vào **Super**), gõ **keyboard** và nhấn **Enter**.

Bước 2. Trong tab **Shortcuts**, chọn **Launchers** trong ô bên trái.

Bước 3. Click vào **Launch calculator** và nó sẽ hiển thị **New accelerator...**

Bước 4. Nhấn **Ctrl + Alt + C**, nó sẽ hiển thị **Ctrl + Alt + C**.

Bước 5. Đóng cửa sổ và thử phím tắt mới.

Chấm dứt các chương trình không hồi đáp

Xkill là một phần của các tiện ích X11 được cài đặt sẵn trong Ubuntu và một công cụ để chấm dứt các máy khách X bị lỗi hoặc các chương trình không phản hồi. Bạn có thể dễ dàng thêm một phím tắt để khởi động xkill theo các bước như trong phần **Tạo phím tắt Files Manager nâng cao**.

Cài đặt gói Oracle Java

Thực hiện tương tự như trên phiên bản Ubuntu 18.04.

Tự động mount ổ cứng khi khởi động hệ thống

Thực hiện như trong phiên bản Ubuntu 18.04.

Mount ổ USB theo cách thủ công

Thực hiện tương tự như trên phiên bản Ubuntu 18.04

Đặt tên hoặc gắn nhãn phân vùng

Sử dụng tiện ích Disk là một trong những cách hiệu quả để thay đổi tên phân vùng.

Bước 1. Click vào **Dask Home** hoặc chạm vào **Super**, gõ **Disks** để tìm kiếm tiện ích và chạy nó.

Bước 2. Chọn **Hard Disk**.

Bước 3. Trong phân **Volumes**, click vào phân vùng muốn gắn nhãn.

Bước 4. Click vào nút **Additional partition options** bên dưới phần **Volumes** sau đó chọn **Edit Filesystem...**

Bước 5. Trong hộp **Label**, nhập tên, ví dụ Data-disk và click vào **Change**.

Đặt thời gian đồng hồ trên hệ thống khởi động kép

Thực hiện tương tự như trong phiên bản Ubuntu 18.04.

Thêm chương trình khởi động cùng hệ thống

Thực hiện tương tự như trong phiên bản Ubuntu 18.04.

Xóa báo cáo sự cố cũ

Thực hiện tương tự như trong phiên bản Ubuntu 18.04.

Bật âm thanh đăng nhập

Bước 1. Click vào nút **Dash Home** và gõ **Startup Applications** để tìm ứng dụng và chạy nó.

Bước 2. Click vào nút **Add**.

Bước 3. Trong trường **Name**, nhập **Login Sound** hoặc bất kỳ tên nào khác bạn thích.

Bước 4. Trong trường **Command**, sao chép và dán dòng này: `/usr/bin/canberra-gtk-play --id="desktop-login" --description="GNOME Login"`.

Bước 5. Đưa ra nhận xét bạn thích, chẳng hạn như "Plays a sound when I log in".

Bước 6. Click vào nút **Add**.

Đăng xuất và đăng nhập lại để kiểm tra xem âm thanh đăng nhập có hoạt động hay không.

Thay đổi tùy chọn khởi động mặc định

Dọn dẹp menu khởi động

Mỗi lần khi Ubuntu cập nhật lên nhân Linux mới, bản cập nhật cũ sẽ bị bỏ lại và menu khởi động trở nên quá tải. Nếu nhân Linux mới của bạn hoạt động tốt, bạn có thể dọn dẹp menu khởi động một cách an toàn. Thực hiện các bước dưới đây một cách cẩn thận bởi vì ẩn các mục không đúng cách có thể làm cho hệ thống của bạn không thể khởi động được. Bạn có thể kiểm tra phiên bản nhân Linux đang chạy bằng cách nhập dòng lệnh này **uname -r** vào Terminal.

Để dọn dẹp menu khởi động, bạn có thể thực hiện với Grub Customizer.

Bước 1. Nhấn **Alt + F2**, gõ **Grub Customizer** vào hộp và nhấn **Enter** để chạy nó.

Bước 2. Xóa các mục bạn muốn ẩn khỏi menu khởi động.

Bước 3. Click vào nút **Save**.

Tự động tắt hệ thống

Thực hiện tương tự như trong phiên bản Ubuntu 18.04.

Mẹo và thủ thuật sau khi cài đặt Ubuntu 11.04 (đăng nhập với phiên bản Ubuntu Classic), Ubuntu 10.10 và Ubuntu 10.04.

Tùy chỉnh Panel – bảng điều khiển trong Ubuntu

Theo mặc định, Ubuntu được bao gồm một panel ở trên và phía dưới. Nếu bạn chỉ muốn giữ một bảng điều khiển ở phía dưới màn hình giống như thanh *Windows Taskbar*, hãy thực hiện theo các bước sau:

1. Xóa panel phía dưới: kích chuột phải vào nó và chọn "**Delete This Panel**".
2. Di chuyển panel ở trên xuống bên dưới: kích chuột phải vào nó và chọn "**Properties**", thay đổi định hướng từ "**Top**" thành "**Bottom**".

3. Thêm các nút chạy chương trình: kích chuột phải vào panel, chọn "**Add to Panel**", cuộn xuống dưới và chọn "**Window List**", kích "**Add**".
4. Thay thế Menu Bar ("**Applications-Places-System**") với "**Main Menu**" để tiết kiệm không gian trong bảng điều khiển:
 - Kích chuột phải vào "**Menu Bar**" và chọn "**Remove From Panel**".
 - Kích chuột phải vào panel, chọn "**Add to Panel**" và lựa chọn "**Main Menu**", kích "**Add**".
 - Kích chuột phải vào các mục (ví dụ Firefox) và bỏ dấu tích tại "**Lock to Panel**".
 - Kích chuột phải "**Main Menu**", chọn "**Move**" để định vị nó ở phía bên trái.

Đây là những thay đổi cơ bản. Các panel linh hoạt hơn nhiều so với Windows Taskbar, nhiều mục có thể dễ dàng được thêm vào, loại bỏ hoặc cấu hình.

Main Menu sẽ cho thấy các mục "**Lock Screen**", "**Log Out**" và "**Shut Down**" nếu bạn loại bỏ mục "**Indicator Applet Session**" (hiển thị tên đăng nhập và nút shutdown ở phía bên phải panel). Ba mục trên sẽ bị ẩn trong Main Menu nếu *Indicator Applet Session* được bật.

Nếu bạn cần khôi phục các panel gốc, chỉ cần nhập vào các lệnh sau vào Terminal và khởi động lại hệ thống:

```
sudo gconftool-2 --shutdown
sudo rm -rf .gconf/apps/panel
sudo pkill gnome-panel
```

Tại bất kỳ thời điểm nào, nếu bạn tùy chỉnh thiết lập desktop gây ra sự cố và muốn thiết lập lại toàn bộ như mặc định, chỉ cần nhập vào lệnh: **sudo rm -rf .gnome .gnome2 .gconf .gconfd .metacity** trong Terminal, thoát ra và đăng nhập lại hệ thống để có hiệu lực.

Pin các chương trình vào Panel

Các chương trình người dùng thường sử dụng có thể dễ dàng được gắn vào panel:

1. Duyệt tới chương trình cần thiết từ "**Applications**" hoặc "**Main Menu**".
2. Kéo và thả chúng vào một vùng không gian trống trong panel, hoặc kích chuột phải vào đó và chọn "**Add this launcher to panel**".
3. Kích chuột phải vào biểu tượng chương trình, chọn "**Move**" và thả nó vào một vùng mới trong panel.
4. Kích tiếp chuột phải vào biểu tượng chương trình một lần nữa, chọn "**Lock to Panel**".

Tương tự, xem tiếp phần "**Kích hoạt tính năng Superbar**".

Thiết lập panel hoàn toàn trong suốt

Khi bạn thiết lập các bảng điều khiển trong suốt trong theme **Ambiance** của Ubuntu, bạn sẽ tìm thấy một số background vẫn có màu nền, nhưng chúng ta có thể làm cho chúng trở nên trong suốt theo các bước sau:

1. Vào **Applications** (hoặc **Main Menu**) > **Accessories** > **Terminal**.
2. Nhập vào `cp -R /usr/share/themes/Ambiance ~/.themes/`
3. Nhập tiếp `gedit ~/.themes/Ambiance/gtk-2.0/apps/gnome-panel.rc` (cho Ubuntu 11.04 hoặc 10.10) hoặc `gedit ~/.themes/Ambiance/gtk-2.0/gtkrc` (cho Ubuntu 10.04), để mở tập tin với gedit.
4. Tìm kiếm cho dòng `bg_pixmap[NORMAL] = "img/panel.png"` (cho Ubuntu 11.04 hoặc 10.10) hoặc `bg_pixmap[NORMAL] = "panel_bg.png"` (cho Ubuntu 10.04)
5. Chú thích cho dòng lệnh bằng cách đặt một dấu `#` ở đầu dòng như: `# bg_pixmap[NORMAL] = ...`

6. Lưu lại tập tin.

7. Vào **System > Preferences > Appearance**, chuyển sang theme khác sau đó trở lại theme **Ambiance**.

Nếu bạn muốn thay đổi theme *New Wave*, nhập vào cp -R /usr/share/themes/"New Wave" ~/.themes/ trong bước 2, nhập tiếp gedit ~/.themes/"New Wave"/gtk-2.0/gtkrc trong bước 3, tìm kiếm và chú thích cho dòng bg_pixmap[NORMAL] = "Images/Panel/PanelBarLong.png" tương ứng trong bước 4 và 5.

Kích hoạt tính năng Superbar

Trong Windows 7, các chương trình thường xuyên sử dụng có thể pin vào taskbar (vì thế được gọi là **Superbas**). Tương tự như vậy, **DockBarX**, một plugin Gnome panel có thể được thêm vào Ubuntu để pin và unpin hoặc khởi động ứng dụng từ panel.

1. Vào **Ubuntu Software Center > Edit > Software Source**.
2. Chọn "**Other Software**" kích "**Add**".
3. Tại dòng **APT**, nhập vào ppa:dockbar-main/ppa, kích "**Add Source**" và nhấn "**Close**".
4. Tại phần bên trái panel của Ubuntu Software Center, chọn "**PPA for Dockbar Main Group**", được bổ sung sau các bước trên.
5. Tại phần panel bên phải, chọn **DockbarX** và kích "**Install**".
6. Chờ cho bộ nhớ cache được cập nhật, sau đó kích chuột phải vào panel và kích "**Add to Panel**".
7. Chọn **DockBarX Applet** và kích "**Add**".

Một thumbnail (hình ảnh thu nhỏ) xem trước của chương trình đang chạy cũng có sẵn trong DockBarX. Để kích hoạt tính năng này, kích chuột phải vào DockBarX trên panel, chọn **Properties > Window List** và đánh dấu tích

vào "**Show Previews**". Các tùy chọn khác như *appearance*, *window item* và *group button* có thể được cấu hình bởi những user.

Thay đổi kiểu font chữ và màu của Panel Clock

Kiểu font và màu sắc của Panel Clock được thực hiện theo chủ đề mặc định. Đặc biệt, nếu màu chữ là màu đen và hiển thị trên một nền tối thông qua bảng điều khiển trong suốt, bạn không thể xem đồng hồ được rõ ràng. Tuy nhiên chúng ta có thể khắc phục điều này bằng cách tinh chỉnh để thay đổi màu chữ. Ngoài ra bạn cũng có thể xác định kiểu font cho bảng đồng hồ của mình.

Đoạn code trong bước 1 dưới đây sẽ thiết lập màu chữ thành trắng và áp dụng font *DS-Digital* in đậm, kích cỡ 16.

Mở trình soạn thảo văn bản Gedit và paste vào đoạn code sau:

```
style "my-panel-clock"
{
fg[NORMAL] = "#FFFFFF"
font_name = "DS-Digital Bold 16"
}
widget "*.clock-applet-button.*" style "my-panel-clock"
```

Lưu lại tập tin là **.gtkrc-2.0** (bao gồm cả dấu **chấm** trước tên của file) bên trong thư mục home: */home/your_user_name*.

. Sau khi tải về máy, giải nén và cài đặt vào hệ thống để sử dụng. Xem thêm tại mục "**Cài đặt các Font bổ sung**".

Các tập tin bắt đầu bằng dấu chấm (.) đại diện cho cho một tập tin ẩn và được nhìn thấy bởi phím **Ctrl-H** trong trình duyệt tập tin **Nautilus** (*).

Di chuyển nút điều khiển cửa sổ sang bên phải

Nếu hệ thống Ubuntu của bạn được thiết lập các nút **Minimize**, **Maximize**, và **Close** ở bên trái của cửa sổ và bạn muốn thay đổi chúng sang bên phải, chỉ cần thực hiện theo các bước sau:

1. Nhấn **Alt+F2** để mở cửa sổ "**Run Application**".
2. Nhập vào gconf-editor trong hộp và kích "**Run**" để mở Configuration Editor.
3. Duyệt tới **apps > metacity > general**, nhìn vào "**button_layout**" trên phía bên phải panel.
4. Thay đổi giá trị trong "**button_layout**" từ close,minimize,maximize: thành menu:minimize,maximize,close và nhấn **Enter**.

Mở một cửa sổ ở phía trung tâm

Khi chạy một ứng dụng không phải chế độ maximized, Ubuntu luôn đặt nó ở góc trên cùng bên trái của desktop theo mặc định, nhưng bạn có thể thiết lập một cửa sổ được mở ở ngay trung tâm màn hình như sau:

1. Vào **System > Preferences > CompizConfig Settings Manager**.
2. Chọn "**Windows Management**" từ panel bên trái.
3. Kích "**Place Windows**".
4. Thay đổi chế độ từ "**Smart**" sang "**Centered**", kích "**Back**" và "**Close**".

Một cách lý tưởng nhất, là người quản lý cửa sổ trong Ubuntu nên khôi phục lại vị trí cuối cùng của cửa sổ ứng dụng, nhưng nó không thực hiện điều đó trừ khi một ứng dụng ghi nhớ vị trí cửa sổ riêng của nó.

Cuộn một cửa sổ lên và xuống

Khi bạn kích đúp vào thanh tiêu đề của một cửa sổ, theo thiết lập mặc định sẽ phóng to cửa sổ đó ở mức cực đại. Kể từ khi có một nút để chúng ta sử dụng cho chức năng này, người dùng có thể thay đổi thiết lập để cuộn cửa sổ khi kích đúp vào thanh tiêu đề của nó.

1. Vào **System > Preferences > Windows**.

2. Trong "**Titlebar Action**" chọn "**Roll up**" (hoặc "**Shade**" nếu có) từ danh sách xổ xuống.

Bây giờ bạn có thể cuộn một cửa sổ khi kích đúp vào thanh tiêu đề, và cuộn nó xuống khi kích đúp lại.

Tùy chỉnh Theme

Các Theme trong Ubuntu có thể được tùy chỉnh để phù hợp với các ứng dụng hoặc nhu cầu của người dùng. Khi thử với theme *New Wave* và các menu (File, Edit, View...) hầu như không thể nhìn thấy trên nền tối của OpenOffice, nhưng khi tùy chỉnh *New Wave* với điều khiển *Ambiance* đã giải quyết được vấn đề. Sau đây là những bước đơn giản để tùy chỉnh một chủ đề, ví dụ như cho phép *New Wave* kết hợp với điều khiển *Ambiance*.

1. Vào **System > Preferences > Appearance**.
2. Dưới tab "**Theme**" kích nút "**Customize**" trong khi theme "**New Wave**" được chọn.
3. Dưới tab "**Controls**" kích vào bất kỳ mục khác như "**Ambiance**" và nhấn "**Close**".
4. Bây giờ nó đã trở thành *Custom theme* và bạn có thể lưu lại như một theme mới, như "*New Wave with Ambiance Controls*".

Thiết lập hiệu ứng Aero Glass

Trong Ubuntu bạn có thể thiết lập hiệu ứng tương tự như Aero Glass cho đường viền cửa sổ với alpha trong suốt như có sẵn trong Windows 7.

1. Nhấn **Alt+F2** để mở cửa sổ "**Run Application**".
2. Nhập **gconf-editor** trong hộp box, kích "**Run**" để mở Configuration Editor.
3. Duyệt tới **apps > gwd**, nhìn vào "**metacity_theme_active_opacity**" ở panel bên phải.

4. Thay đổi giá trị trong "**metacity_theme_active_opacity**" từ **1** thành **0.75** (hoặc nhỏ hơn như **0.5** để trong suốt hơn).
5. Sau đó vào **System > Preferences > CompizConfig Settings Manager**.
6. Chọn "**Effects**" từ panel bên trái.
7. Đánh dấu vào "**Blur Windows**" và kích nút "**Close**" (lưu ý: giá trị mặc định trong Blur Windows có thể được áp dụng).

Nếu hiệu ứng aero glass không làm việc, kiểm tra lại xem bạn đã cập nhật driver hiển thị hay chưa. Vào **System > Administration > Additional Drivers**, kích hoạt trình điều khiển đồ họa được khuyến cáo và khởi động lại hệ thống.

Kích hoạt Aero Snap (chỉ dành cho Ubuntu 10.10 & 10.04)

Trong Windows 7, bạn có thể kích và kéo một cửa sổ sang bên trái hoặc phải vùng biên của desktop, nó sẽ được phóng to ở mức một nửa màn hình, hoặc snap một cửa sổ lên vùng biên trên cùng desktop để phóng to nó ở mức toàn màn hình. Trong Ubuntu 11.04 bạn cũng có thể làm tương tự, nhưng trong Ubuntu 10.10 hoặc 10.04 chúng ta muốn được như vậy cần tinh chỉnh lại một chút như sau:

1. Cài đặt **WmCtrl** để quản lý thiết lập CompizConfig nếu chưa có:
 - Vào **Applications** (hoặc Main Menu) > **Accessories** > **Terminal**.
 - Nhập vào lệnh `sudo apt-get install wmctrl`
 - Nhập vào password khi được yêu cầu.
2. Vào **System > Preferences > CompizConfig Settings Manager**.
3. Chọn "**General**" từ panel bên trái và kích "**Commands**".
4. Trong dòng lệnh **0**, **1** và **2** bạn paste vào dòng code sau:

- Dòng 0: `WIDTH=`xdpyinfo | grep 'dimensions:' | cut -f 2 -d ':' | cut -f 1 -d 'x'` && HALF=$((($WIDTH/2)) && wmctrl -r :ACTIVE: -b add,maximized_vert && wmctrl -r :ACTIVE: -e 0,0,0,$HALF,-1`
- Dòng 1: `WIDTH=`xdpyinfo | grep 'dimensions:' | cut -f 2 -d ':' | cut -f 1 -d 'x'` && HALF=$((($WIDTH/2)) && wmctrl -r :ACTIVE: -b add,maximized_vert && wmctrl -r :ACTIVE: -e 0,$HALF,0,$HALF,-1`
- Dòng 2: `wmctrl -r :ACTIVE: -b add,maximized_vert,maximized_horz`

5. Trong cùng một cửa sổ, kích tab "**Edge Bindings**".
6. Thay đổi lệnh **Run 0, 1** và **2** từ "**None**" thành "**Left**", "**Right**" và "**Top**" tương ứng.
7. Kích nút "**Back**" và chọn "**General Options**", thay đổi "**Edge Trigger Delay**" thành khoảng *500*.

Ẩn biểu tượng các ổ đĩa trên Desktop

Ubuntu bổ sung các biểu tượng trên desktop cho mọi ổ đĩa di động mà bạn gắn thêm và hệ thống của mình. Các biểu tượng này có thể được ẩn đi nếu người dùng không thích, sau đây là các bước cơ bản:

1. Nhấn **Alt+F2** để mở cửa sổ "**Run Application**".
2. Nhập vào `gconf-editor`, kích "**Run**" để mở Configuration Editor.
3. Duyệt tới **apps > nautilus > desktop**.
4. Bỏ dấu tích tại "**volumes_visible**" và đóng cửa sổ đó lại.

Các biểu tượng ổ đĩa sau đó sẽ biến mất khỏi desktop. Hãy nhớ rằng bạn luôn có thể truy cập các ổ đĩa từ "**Places**".

Thay đổi các Wallpapers một cách tự động

Bạn có thể kích chuột phải vào desktop, chọn "**Change Desktop Background**" và lựa chọn bất kỳ một trong các hình nền được cài đặt sẵn, nhưng khá bất tiện mỗi khi cần thay đổi chúng ta lại phải thực hiện thao tác này từ đầu. Nếu muốn các hình nền tự động thay đổi theo một khoảng thời gian nhất định (gần giống như bộ wallpaper trong Windows 7), hãy thử với **Wally**.

1. Vào **Applications** (hoặc **Main Menu**) > **Ubuntu Software Center**, nhập vào wally trong *Search box* và kích "**Install**".
2. Nhấn **Alt-F2**, nhập wally và nhấn nút "**Run**".
3. Kích chuột phải vào biểu tượng Wally trên panel, chọn **Settings**.
4. Kích "**Folders**" trong cột bên trái, sau đó thêm đoạn `/usr/share/backgrounds` vào *Folder box* và đánh dấu tích tại "**Include subfolders**".
5. Kích "**Settings**" ở cột trái, đánh dấu tích tại "**Play automatically on application starts**".
6. Thiết lập ứng dụng tự động khởi chạy, thực hiện theo hướng dẫn tại mục "**Auto Start một ứng dụng**" (như tùy chọn của Wally "**Start automatically when system starts**" bị vô hiệu hóa).

Sau đó hình nền trên desktop của bạn sẽ tự động thay đổi theo những thiết lập cơ bản khi đăng nhập hệ thống (hoặc kích chuột phải vào biểu tượng Wally trên Panel vào chọn "**play**").

Nếu bạn muốn có phiên bản mới nhất của Wally với tùy chọn vô hiệu hóa màn hình và tự động thoát, có thể vào trang chủ của nó và tải về. Sau đó kích chuột phải vào tập tin **.deb** và chọn "**Open with Ubuntu Software Center**" để cài đặt, và có thể thực hiện như **bước 2** ở trên.

Thêm hoặc thay đổi các phím tắt

Các phím tắt được cài sẵn trong hệ thống, nhưng chúng ta hoàn toàn có thể thêm mới hoặc thay đổi chúng một cách dễ dàng. Chẳng hạn để thay đổi phím **Ctrl+Alt+T** (chạy một Terminal) thành **Win+R** (nhấn phím **R** trong khi giữ phím Windows, cũng được biết đến như Super key), bạn làm như sau:

1. Vào **System > Preferences > Keyboard Shortcuts**
2. Duyệt tới **Desktop > "Run a terminal"**
3. Kích vào Shortcut để hiển thị "**New shortcut...**"
4. Nhấn **Win+R** và nó sẽ hiển thị **Mod4+R**
5. Kích nút **Close** và thực hiện tương tự đối với các shortcut mới.

Để vô hiệu hóa một shortcut, nhấn phím **Backspace** khi nó hiển thị "**New shortcut...**" sau khi thực hiện **bước 3** ở trên.

Các phím tắt bắt đầu với **XF86**, tham khảo một số phím đặc biệt có sẵn trên bàn phím đa phương tiện.

Các phím tắt có thể thay đổi bằng cách thay đổi giá trị keybinding với Configuration Editor. Nhấn **Alt+F2** và nhập vào gconf-editor, điều hướng tới **apps > gnome_settings_daemon > keybindings**, hoặc **apps > metacity > global_keybindings** và **window_keybindings**.

Kết thúc các chương trình không phản hồi

Xkill là một phần của các tiện ích *X11* được cài đặt sẵn trong Ubuntu và một công cụ cho việc chấm dứt các *X client* trực trực hay các chương trình không đáp ứng. Bạn có thể dễ dàng thêm một phím tắt để khởi chạy xkill với các bước sau:

1. Vào **System > Preferences > Keyboard Shortcuts**.
2. Kích nút **Add** để tạo một custom shortcut.
3. Nhập vào xkill tại cả hai trường *Name* và *Command*, sau đó kích nút **Apply**.

4. Kích **Disabled** trong hàng **xkill** của cửa sổ *Keyboard Shortcuts* (**Disabled** sau đó được thay đổi thành *New shortcut...*).
5. Nhấn một tổ hợp phím mới, chẳng hạn **Ctrl+Alt+X** (*New shortcut...* sẽ được đổi thành *Ctrl+Alt+X*).
6. Kích nút **Close**.

Xkill đã sẵn sàng cho việc sử dụng. Nhấn phím kết hợp trên để bật con trỏ chuột tới một X-sign, di chuyển X-sign và thả nó vào một giao diện chương trình để kết thúc các chương trình không thể đáp ứng hoặc hủy bỏ X-sign bằng cách nhấn chuột phải.

Re-start hệ thống mà không cần khởi động lại máy

Nếu bạn nhấn phím **Ctrl+Alt+Delete**, Ubuntu sẽ hiển thị một menu gồm *shutdown*, *restart*, hoặc *suspend* hệ thống. Tuy nhiên vì lý do nào đó mà hệ thống của bạn bị đóng băng, con trỏ chuột không thể di chuyển, và tất nhiên là giải pháp nhấn **Ctrl+Alt+Delete** không thể làm việc.

Hãy nhớ rằng có một tổ hợp phím **Alt+PrintScreen+K** có thể giúp bạn quay trở lại màn hình đăng nhập ngay lập tức mà không cần khởi động lại hệ thống. Đó thực sự là một cách hữu hiệu để tiết kiệm thời gian.

Để thay thế, bạn cũng có thể sử dụng phím **Ctrl+Alt+Backspace** để làm điều này sau khi đã kích hoạt phím tắt theo bước sau:

1. Vào **System > Preferences > Keyboard**.
2. Chọn tab “**Layouts**” và kích nút “**Options**”.
3. Chọn “**Key sequence to kill the X server**” và kích hoạt “**Control + Alt + Backspace**”.

Thiết lập kiểu xem mặc định trong File Manager

Windows Explorer cho phép các user thiết lập một cái nhìn mặc định cho toàn bộ thư mục. Cũng tương tự như vậy, trình duyệt file Nautilus của Ubuntu cho phép người dùng thiết lập điều này:

1. Vào "**Places**" và mở một folder.
2. Ở phía trên của File Browser, kích "**Edit**" và "**Preference**".
3. Bên dưới **Default View**, thay đổi "**Icon View**" thành "**List View**", để xem chi tiết hơn trong các cột.
4. Đánh dấu vào "**Show hidden and backup files**" nếu bạn muốn.

Còn nhiều thiết lập khác nhau, chẳng hạn như kích chuột đơn hay kích đúp để mở các mục, các icon caption, danh sách các cột, xem trước các file và xử lý các media có thể được thực hiện tốt trong cùng cửa sổ.

Tạo một quản lý tập tin nâng cao

Trong hệ thống tập tin của Ubuntu, bạn có thể sử dụng trình quản lý file Nautilus để duyệt các tập tin nhưng chỉ có thể ghi các tập tin trong thư mục **home** */home/your_name* và những thư mục con (sub-folder) như *Desktop* hay *Documents*. Người dùng không thể đổi tên một thư mục hoặc ghi các tập tin ngoài thư mục home bằng cách sử dụng file manager. Tuy nhiên hướng dẫn sau sẽ giúp bạn tạo một trình quản lý file nâng cao để thực hiện điều này.

1. Vào **System > Preferences > Main Menu**.
2. Chọn "**Accessories**" ở panel bên trái và kích "**New Item**" ở panel bên phải.
3. Nhập một tên vào hộp "**Name**", chẳng hạn *Advanced Nautilus*.
4. Nhập `gksu nautilus` vào hộp "**Command**".
5. Kích nút "**OK**" và nhấn "**Close**".

Bây giờ bạn có thể vào **Applications** (hoặc Main Menu) > **Accessories** để thấy **Advanced Nautilus** đã sẵn sàng cho việc sử dụng. Nhưng hãy cẩn thận vì bạn có thể sử dụng nó để xóa hoặc thay đổi bất kỳ tập tin trên hệ thống của mình.

Thiết lập Output cho âm thanh

Khi lần đầu tiên cài đặt Ubuntu vào PC với một thiết bị âm thanh được tích hợp, và thử chạy tập tin media trên một trình player bạn sẽ nhận ra rằng không có âm thanh nào được phát ra. Để nghe được bạn cần thiết lập trong **Sound Preferences** qua vài bước cơ bản sau:

1. Vào **System > Preferences > Sound** để mở cửa sổ Sound Preferences.
2. Dưới tab **Hardware**, thay đổi **Profile** thành **Analog Stereo Duplex** từ menu xổ xuống.
3. Dưới tab **Output** thay đổi **Connector** thành **Analog Output (LFE)/Amplifier** từ menu xổ xuống.

Các mục có sẵn trong các trình đơn thả xuống có thể khác nhau tùy thuộc vào thiết bị phần cứng được phát hiện bởi hệ thống, bạn có thể muốn thử với các mục khác trong menu để xem nó có hoạt động với thiết bị của mình. Đó cũng là một cách kiểm tra sự cố âm thanh trong tài liệu hướng dẫn của Ubuntu.

Chạy các tập tin media trong một định dạng độc quyền trên thiết bị chơi nhạc cũng có thể không có âm thanh nếu người dùng không cài đặt các codec cần thiết. Trong trường hợp này bạn có thể tham khảo chuyên mục “**Kích hoạt Media Playback**” mà chúng tôi trình bày bên dưới.

Vô hiệu hóa hoặc thay đổi âm thanh đăng nhập

Đối với người dùng Windows có thể dễ dàng vô hiệu hóa toàn bộ âm thanh trong hệ thống khi đăng nhập hay thao tác trên máy hoặc thay đổi chúng bằng những bản nhạc ưa thích. Trong Ubuntu cũng vậy, mỗi khi đăng nhập sẽ có âm thanh vang lên, nếu không muốn bạn có thể vô hiệu hóa nó dễ dàng, hoặc thay đổi theo ý thích.

Để vô hiệu hóa âm thanh đăng nhập:

1. Vào **System > Preferences > Startup Applications**.
2. Dưới tab "**Startup Programs**" bỏ dấu tích tại "**GNOME Login Sound**"
3. Kích **Close**.

Để thay đổi âm thanh, hãy đánh dấu vào "**GNOME Login Sound**" nếu chưa có, sau đó thực hiện các bước sau:

1. Nhấn **Alt+F2** để mở cửa sổ "**Run Application**".
2. Paste vào đó dòng lệnh `gksu nautilus /usr/share/sounds/ubuntu/stereo`, kích "**Run**" để mở Nautilus vào đúng thư mục.
3. Đổi tên gốc của tập tin **desktop-login.ogg** thành tên khác bất kỳ, chẳng hạn **desktop-login-original.ogg** để sao lưu.
4. Copy file âm thanh của bạn trong định dạng **ogg** ở thư mục trên và đặt tên file là **desktop-login.ogg**.
5. Đăng xuất và đăng nhập lại để cảm nhận sự khác biệt về âm thanh.

Cài đặt bổ sung các Font

Bạn thích các font *Windows TrueType* làm cài đặt mặc định của Ubuntu? Gói **microsoft-fonts** có chứa hầu hết các font của Microsoft có thể được cài đặt và cấu hình dễ dàng trong Ubuntu bằng các bước sau:

1. Vào **Applications** (hoặc Main Menu) > **Accessories** > **Terminal**.
2. Paste vào Terminal đoạn code `sudo apt-get install ttf-microsoft-fonts-installer` (bằng cách nhấn *Ctrl-Shift-V* trong Terminal sau đi đã copy đoạn code).
3. Vào **System > Preferences > Appearance > Fonts**.

4. Kích vào từng mục trong số đó, chọn một font chữ và kích thước để cấu.

Vậy làm thế nào để cài đặt nhiều hơn các font *TrueType*? Với các tập tin font chữ, bạn có thể thêm thủ công chúng vào hệ thống của mình theo các bước dưới đây:

1. Nhấn **Alt+F2** để mở cửa sổ "**Run Application**".
2. Paste vào đoạn code `gksu nautilus /usr/share/fonts/truetype`, kích "**Run**" để mở Nautilus vào đúng thư mục.
3. Tạo một thư mục con mới và copy các tập tin của bạn kết thúc bằng **.ttf** vào đó.
4. Nhập `sudo fc-cache -f -v` vào Terminal để xây dựng lại thông tin về font.

Bên cạnh đó, bạn có thể chạy một ứng dụng như Font-Manager để xem, cài đặt, và gỡ bỏ các font.

Nếu bạn thích font Tahoma nhưng không được bao gồm trong gói `mscorefonts`, bạn có thể copy hai tập tin **tahoma.ttf** và **tahomabd.ttf** từ `/Windows/Fonts` và cài đặt chúng.

Kích hoạt Media Playback

Ubuntu chỉ bao gồm phần mềm hoàn toàn miễn phí bởi mặc định và không cấu hình các media định dạng độc quyền như *mp3* hay *mp4*. Tuy nhiên chỉ cần có các codec chuyên dụng để cài đặt cho trình chơi nhạc mặc định để phát lại các file này.

1. Kích đúp vào một file mp3 trong thư mục.
2. Kích nút "**Search**" khi hiển thị player mặc định với một cửa sổ "**Search for suitable plugin?**".

3. Kích "**Install**" và nút "**Confirm**" để tải về và cài đặt phần mềm bị hạn chế.
4. Khởi động lại player sau khi cài đặt các gói.

Bạn có thể làm tương tự cho các media bị hạn chế về định dạng như mp4.

Cài đặt Screenlets

Screenlets là một ứng dụng nhỏ dùng để thay thế một số ứng dụng như sticky notes, clocks, calendars trên máy để bàn. Bạn có thể khởi chạy một screenlet được cài đặt sẵn từ Screenlet Manager, hoặc cài mới vào Manager để chạy nó. Sau đây là các bước cài đặt và chạy một screenlet, ví dụ: **WaterMark System Information**.

Cài đặt Screenlets Manager nếu chưa có:

- Vào **Applications** (hoặc Main Menu) -> **Ubuntu Software Center**.
 - Nhập screenlets vào trong hộp thoại tìm kiếm.
 - Lựa chọn Screenlets, kích nút "**Install**".
1. Tải xuống screenlet "*WaterMark System Information*" vào một thư mục.
 2. Vào **Applications** (hoặc Main Menu) -> **Accessories** -> **Screenlets**.
 3. Kích **Install**, chọn **Install Screenlet** và kích nút **OK**.
 4. Duyệt tới thư mục và chọn tệp tin mà bạn vừa tải xuống ở trên rồi kích "**Open**" để cài đặt screenlet trong Screenlets Manager.
 5. Chọn screenlet "**WaterMark**" và kích "**Launch/Add**". (mẹo nhỏ: bạn có thể thêm nhiều WaterMark screenlet và thiết lập nó hiển thị thông tin hệ thống khác).

Cài đặt các gói Sun Java

Ubuntu có thể sử dụng **OpenJDK** theo mặc định, nhưng lưu ý rằng một số dịch vụ web như *ezyZip.com* có thể cần *Sun Java Runtime Environment* (JRE) để cài đặt trong hệ thống cho việc chạy các dịch vụ đúng cách. Nếu bạn muốn có các gói Sun Java độc quyền cho hệ thống của mình, bạn có thể tải về và cài đặt chúng từ Canonical Partner Repository theo hướng dẫn sau:

1. Vào **Applications** (hoặc Main Menu) > **Accessories** > **Terminal**.
2. Nhập vào `sudo add-apt-repository "deb http://archive.canonical.com/lucid partner"` để thêm các đối tác kho lưu trữ.
3. Nhập `sudo apt-get update` để cập nhật danh sách nguồn.
4. Nhập `sudo apt-get install sun-java6-jre sun-java6-plugin sun-java6-fonts` để tải về và cài đặt các gói Sun Java. (Nếu được yêu cầu chấp nhận các điều khoản Distributor License for Java (DLJ), bạn sử dụng phím *left/right* để điều hướng và chọn **Yes**, sau đó nhấn **Enter** để cài đặt).
5. Nhập `sudo java -version` để kiểm tra phiên bản của Java được dùng trong hệ thống.
6. Nhập `sudo update-alternatives --config java` để chọn Java mặc định sử dụng trong hệ thống khi cần thiết.

Thêm nhiều phần mềm hữu ích

Ubuntu Software Center cho phép bạn tìm kiếm và nhận được nhiều phần mềm miễn phí. Nếu ứng dụng bạn cần không được bao gồm trong Center, bạn có thể vào **System** > **Administration** > **Synaptic Package Manager**, nhập tên ứng dụng để tìm kiếm và cài đặt một gói phần mềm từ kho lưu trữ.

Tự động Mount các ổ đĩa khi hệ thống khởi động

Ubuntu có khả năng đọc và ghi các tập tin lưu trữ trên cửa sổ các phân vùng được định dạng. Nhưng phân vùng cần được “*Mount*” trước khi chúng có thể

được truy cập mỗi thời điểm bạn khởi động hệ thống. Với các bước sau, bạn có thể tự động mount ổ đĩa hoặc phân vùng mà không cần mount bằng tay để truy cập.

Cài đặt Storage Device Manager nếu chưa có:

- Vào **Applications** (hoặc Main Menu) > **Ubuntu Software Center**.
 - Nhập `pysdm` vào *Search Box*.
 - Chọn **Storage Device Manager**, kích nút "**Install**".
1. Vào **System** > **Administration** > **Storage Device Manager**.
 2. Mở rộng danh sách của sda và chọn sda nếu bạn muốn tự động mount, kích '**OK**' để cấu hình.
 3. Kích nút "**Assistant**".
 4. Bỏ dấu tích tại "**Mount file system in read only mode**" và giữ nguyên tại "**The file system is mounted at boot time**".
 5. Kích lần lượt các nút "**Mount**", "**Apply**" và "**Close**", sau đó khởi động lại hệ thống.

Trong trường hợp bạn muốn bỏ chức năng *auto-mount* của một ổ đĩa hoặc phân vùng nhất định, bạn có thể sử dụng Storage Device Manager để thực hiện lại thiết lập.

Nếu bạn cần xác định các phân vùng đĩa theo nhãn, chỉ cần paste `ls /dev/disk/by-label -g` vào Terminal, hoặc để xem kích cỡ phân vùng và hệ thống tập tin, nhập vào `sudo fdisk -l`. Disk Utility được đề cập trong "**Name or Label a Partition**" cũng cung cấp cho bạn một cái nhìn về số lượng thiết bị, kiểu phân vùng, kích cỡ và các nhãn (label).

Mount thủ công một thiết bị USB

Một thiết bị lưu trữ USB khi được cắm vào hệ thống thường sẽ tự động được mount, nếu vì lý do nào đó quá trình này không thể thực hiện, bạn vẫn có thể mount theo cách thủ công sau:

1. Vào **Applications** (hoặc Main Menu) > **Accessories** > **Terminal**.
2. Nhập vào `sudo mkdir /media/usb` để tạo một điểm mount được gọi là *usb*.
3. Nhập `sudo fdisk -l` để tìm thiết bị USB được cắm vào, ví dụ bạn muốn mount ổ đĩa `/dev/sdb1`.
4. Nhập `sudo mount -t vfat /dev/sdb1 /media/usb -o uid=1000,gid=100,utf8,dmask=027,fmask=137` để mount ổ USB có định dạng hệ thống FAT16, FAT32. Hoặc nhập `sudo mount -t ntfs-3g /dev/sdb1 /media/usb` để mount ổ USB có định dạng hệ thống NTFS.

Để bỏ mount nó, chỉ cần nhập `sudo umount /media/usb` vào trong Terminal.

Đặt tên hoặc nhãn một phân vùng

Trình quản lý tập tin Nautilus hiển thị thư mục root *File System* cho phân vùng hệ thống Ubuntu của bạn. Nếu bạn có các phân vùng khác (hoặc các volume), nó sẽ được hiển thị ở dạng *xx GB Filesystem* nếu không có tên hoặc nhãn.

Sử dụng Disk Utility là một trong những cách hiệu quả để đặt tên cho một phân vùng dễ dàng:

1. Vào **System** > **Administration** > **Disk Utility**.
2. Chọn mục **Hard Disk**.
3. Trong phần **Volumes**, kích vào một phân vùng mà bạn muốn đặt nhãn cho nó.
4. Kích "**Edit Filesystem Label**".

5. Trong hộp **Label**, nhập vào một cái tên, chẳng hạn như "*Data-Disk*", kích **Apply**.

Quản lý tập tin bây giờ sẽ hiển thị nhãn partition, chẳng hạn *Data-Disk*, thay vì *xx GB Filesystem*.

Nếu tùy chọn "**Edit Filesystem Label**" không hiển thị, hãy kích "**Unmount Volume**" trước đó. Trong trường hợp bạn không thể unmount một volume, hãy thử dùng **Storage Device Manager** để unmount nó.

Trên đây là mẹo để đặt tên cho phân vùng bằng cách sử dụng Disk Utility, sử dụng các tính năng nâng cao khác như *format*, *edit* hoặc *delete* phân vùng cần thận trọng vì nó có thể xóa dữ liệu trên đĩa của bạn.

Tự động chạy một ứng dụng

Trong Windows, người dùng có thể đặt các shortcut của chương trình/ứng dụng vào thư mục startup để chạy chúng tự động mỗi khi khởi động vào hệ thống. Tương tự như vậy, trong Ubuntu bạn có thể làm điều này bằng cách sau:

1. Vào **System > Preferences > Startup Applications**.
2. Kích nút "**Add**".
3. Đặt tên một chương trình.
4. Kích nút "**Browse**", điều hướng tới **File System > usr > bin**, nơi các chương trình thường được cài đặt.
5. Chọn một chương trình, bấm vào nút "**Open**" sau đó là nút "**Add**".

Các chương trình trên sau đó sẽ được liệt kê trong phần startup. Bạn có thể kiểm tra xem chương trình có được chạy tự động bằng cách đăng nhập lại hệ thống.

Đồng bộ hóa thời gian hệ thống và ngày tháng

Ubuntu cho phép bạn thiết lập thủ công hệ thống thời gian và ngày tháng của mình, nhưng bạn có thể kích hoạt sự hỗ trợ của **Network Time Protocol (NTP)** trong hệ thống để tự động đồng bộ hóa chúng với máy chủ về thời gian trên internet như sau:

1. Vào **System > Preferences > Time & Date.**
2. Kích vào biểu tượng đồng hồ để thay đổi thiết lập.
3. Chọn múi giờ của bạn trong danh sách *time zone*.
4. Nếu kiểu cấu hình là "**manual**", hãy thay đổi nó để tự động đồng bộ hóa với máy chủ trên Internet. (Trong Ubuntu 11.04, mặc định được để ở chế độ **auto**.)
5. Kích "**Install NTP support**" khi gặp hộp thoại nhắc nhở. (Áp dụng với cả Ubuntu 10.10 & 10.04).
6. Đánh dấu vào time server(s) gần nhất đối với bạn. (Áp dụng cho cả Ubuntu 10.10 & 10.04).
7. Kích nút **Close**.

Khi bạn khởi động hệ thống với kết nối Internet, đồng hồ hệ thống sẽ được đồng bộ hóa với máy chủ thời gian trên Internet.

Thay đổi các tùy chọn khởi động mặc định

Sau khi cài đặt đầy đủ, Ubuntu được thiết lập là hệ điều hành khởi động mặc định nếu không có phím nào được nhấn trong vòng vài giây trên hệ thống đa khởi động. Bạn có thể muốn thiết lập cho hệ điều hành ưa thích khác của mình làm mặc định. Đây là các bước thực hiện dễ dàng với **StartUp-Manager**.

1. Vào **Applications** (hoặc Main Menu) > **Accessories** > **Terminal**.
2. Nhập vào `sudo apt-get install startupmanager` (copy đoạn code này và nhấn Ctrl-Shift-V để paste vào Terminal).

3. Nhập vào password được sử dụng khi cài đặt Ubuntu.
4. Vào **System > Administration > StartUp-Manager**.
5. Nhập vào mật khẩu tương tự để cấu hình các tác vụ, trong đó bao gồm tìm kiếm các bộ tải khởi động cho hệ điều hành.
6. Chọn hệ điều hành mặc định từ menu xổ xuống, kích "**Close**" để thực hiện việc cấu hình tác vụ.

Với **StartUp-Manager**, bạn cũng có thể làm những việc khác như quản lý các theme Usplash, điều chỉnh độ phân giải menu bộ nạp khởi động hoặc thiết lập thời gian chờ trong vài giây. Tránh thay đổi thời gian chờ là **0** giây nếu bạn cần lựa chọn một hệ thống nào đó để khởi động từ menu **multi-boot**.

Loại bỏ nhân Linux cũ, làm sạch menu khởi động

Mỗi lần cập nhật Ubuntu lên một nhân Linux mới, các cái cũ sẽ bị bỏ lại phía sau khiến menu khởi động kéo dài hơn. Nếu nhân Linux mới của bạn hoạt động tốt, an toàn thì có thể nghĩ tới việc loại bỏ những nhân cũ và làm sạch menu boot. Hãy thực hiện thật chính xác các bước dưới đây, vì nếu nhầm lẫn hệ thống của bạn có thể không khởi động được nữa.

1. Vào **Applications** (hoặc Main Menu) > **Accessories > Terminal**.
2. Nhập vào `uname -r` để in ra phiên bản Linux kernel đang chạy (ví dụ 2.6.32-22-generic).
3. Vào **System > Administration > Synaptic Package Manager**.
4. Kích **Status** từ panel bên trái và chọn **Installed**.
5. Nhập vào số của phiên bản chính (ví dụ **2.6.32**) trong Search box.
6. Kích chuột phải lên các mục có số phiên bản phụ nhỏ hơn (ví dụ **2.6.32-21**) cho Linux kernel cũ và chọn **Mark for Complete Removal**. Các tập tin cũ hơn sẽ được loại bỏ có thể bao gồm *linux-*

headers-2.6.32-21, linux-headers-2.6.32-21-generic và *linux-image-2.6.32-21-generic*.

7. Kích **Apply** từ panel bên trên.
8. Kích tiếp **Apply** lần nữa từ cửa sổ pop-up để xác nhận việc loại bỏ các gói được đánh dấu. Menu khởi động sẽ được làm sạch tự động sau khi việc loại bỏ được xác nhận.

Grub Customizer cũng có thể được thử dùng để ẩn các mục từ menu khởi động. Chỉ cần cài đặt chương trình bằng cách nhập vào các lệnh dưới đây trong Terminal, sau đó chạy chương trình, bỏ chọn các mục bạn muốn ẩn và kích **'Save'**.

```
sudo add-apt-repository ppa:danielrichter2007/grub-customizer
sudo apt-get update
sudo apt-get install grub-customizer
```

Tự động Shutdown hệ thống

Một lệnh đơn giản có thể nhập vào Terminal để ẩn định thời gian shutdown máy tính của bạn.

1. Vào **Applications** (hoặc Main Menu) > **Accessories** > **Terminal**.
2. Nhập `sudo shutdown -h +m` (thay thế **m** với số phút bạn muốn, chẳng hạn **60**).
3. Hoặc nhập `sudo shutdown -h hh:mm` (thay thế **hh:mm** bởi thời gian dạng 24h, ví dụ **23:15**).
4. Nhập password và thu nhỏ cửa sổ Terminal lại.

Hệ thống sẽ được tắt sau khoảng thời gian được chỉ định. Để hủy bỏ lệnh này chỉ cần nhập `sudo shutdown -c` trong Terminal.

Ngoài ra, bạn có thể muốn tải về và cài đặt **Gshutdown**, một chương trình GUI (giao diện đồ họa) cho phép lập kế hoạch cho thời gian shutdown hệ thống.

Lưu ý

CompizConfig Settings Manager (ccsm), nếu chưa được thêm vào, bạn có thể cài đặt như sau:

1. Kích "**Applications**" (hoặc "**Main Menu**"), chọn "**Ubuntu Software Center**".
2. Nhập **ccsm** vào Search box.
3. Chọn "**Advanced Desktop Effects Settings (ccsm)**" và kích nút "**Install**".
4. Nhập vào password mà bạn dùng khi cài đặt Ubuntu.

Chúc các bạn thực hiện thành công!